

Số: 2247 /QĐ-UBND

Quảng Điền, ngày 30 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thuyết minh và đơn vị chủ trì Dự án
“Liên kết sản xuất và chế biến, tiêu thụ mướp đắng,
trà mướp đắng tại thôn Tây Hoàng, xã Quảng Thái”**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BCT ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp của ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Thông tư số 05/VBHN-BNNPTNT ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 4.781/QĐ-BNN-VPĐP ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành sổ tay hướng dẫn phát triển sản xuất trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2019 tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Thông báo số 3.883/TB-SKHĐT ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc phân khai chi tiết kế hoạch vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2018 tỉnh Thừa Thiên Huế theo Công văn số 822/VPĐP-KHTC&GS của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;

Căn cứ Biên bản Đánh giá thuyết minh dự án và hồ sơ tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện Dự án “Liên kết sản xuất và chế biến, tiêu thụ mướp đắng, trà mướp đắng tại thôn Tây Hoàng, xã Quảng Thái”;

Căn cứ Biên bản thẩm định kinh phí Dự án “Liên kết sản xuất và chế biến, tiêu thụ mướp đắng, trà mướp đắng tại thôn Tây Hoàng, xã Quảng Thái”;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án “Liên kết sản xuất và chế biến, tiêu thụ mướp đắng, trà mướp đắng tại thôn Tây Hoàng, xã Quảng Thái”, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Liên kết sản xuất và chế biến, tiêu thụ mướp đắng, trà mướp đắng tại thôn Tây Hoàng, xã Quảng Thái.

2. Cấp quản lý: Cấp huyện (cấp cơ sở).

3. Tổ chức chủ trì thực hiện dự án: Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Quảng Điền.

4. Chủ nhiệm dự án: Ông Nguyễn Ngọc Phú - Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Quảng Điền.

5. Thời gian thực hiện: 14 tháng, từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2020.

6. Mục tiêu dự án

a) Mục tiêu chung

Củng cố và mở rộng diện tích trồng mướp đắng theo quy trình trồng rau an toàn trên vùng đất ở thôn Tây Hoàng, xã Quảng Thái; xây dựng thương hiệu mướp đắng Tây Hoàng, tạo chỗ đứng sản phẩm mướp đắng trên thị trường trong và ngoài tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng được vùng sản xuất (15 ha) đạt tiêu chuẩn và được cấp giấy chứng nhận VietGAP.

- Xây dựng được nhãn hiệu gắn trên bao bì “Mướp đắng thôn Tây Hoàng, xã Quảng Thái”.

- Sản phẩm được kiểm định và được công bố chất lượng phù hợp với quy định an toàn thực phẩm để bán ra thị trường, tạo niềm tin cho khách hàng ngày càng khó tính.

- Thiết kế được nhãn mác, bao bì kèm theo các chỉ số vi lượng của sản phẩm.

7. Các nội dung, hoạt động của dự án

- Khảo sát điều tra.

- Xây dựng dự án.

- Phê duyệt dự án.

- Ký hợp đồng liên kết với các bên liên quan.

- Tập huấn kỹ thuật về sản xuất mướp đắng.

- Cung cấp giống, vật tư.

- Triển khai sản xuất mướp đắng.

- Triển khai chế biến các sản phẩm từ mướp đắng.

- Tổ chức tuyên truyền và quảng bá sản phẩm mướp đắng.

- Tổ chức hội nghị đầu bờ.

8. Các nội dung hỗ trợ của dự án

- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật.

- Hỗ trợ giống, vật tư để xây dựng mô hình sản xuất.
- Hỗ trợ thiết kế, in bao bì, tờ rơi sản phẩm.
- Hỗ trợ tổ chức hội nghị quảng bá sản phẩm.

9. Sản phẩm của dự án

STT	Tên sản phẩm	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Chú thích
1	Bản thuyết minh Dự án	Được phê duyệt	
2	Các bản hợp đồng giữa các bên liên quan	Được ký kết	
3	Lớp tập huấn	Nông dân nắm được về kỹ thuật sản xuất mướp đắng theo hướng VietGAP	
4	Mướp đắng tươi	Quả có kích thước đồng đều, màu sắc tự nhiên, láng bóng, gân rõ đều, không bị sâu bệnh, có giấy chứng nhận VietGAP	Theo mắt thường và giấy chứng nhận VietGAP
5	Mướp đắng sấy khô	Độ ẩm: 13%, tạp chất hạt rời: 5%, màu sắc tự nhiên (sắc vàng lẫn lộn: 10%), không có dư lượng thuốc BTV, không SO ₂ , không CO ₂	Theo kiểm định chất lượng sản phẩm
6	Thiết kế mẫu bao bì đựng sản phẩm	01-02 mẫu	
7	In ấn bao bì, tờ rơi sản phẩm	80 kg bao đựng sản phẩm, 11.200 bao bọc quả, 2.000 tờ rơi	
8	Báo cáo tổng kết	Bản báo cáo đầy đủ, khách quan về kết quả thực hiện dự án	

10. Dự toán và nguồn kinh phí của dự án

Tổng kinh phí: 1.237.450.000 đồng.

(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong đó:

- Vốn ngân sách hỗ trợ: 250.000.000 đồng.
- Nguồn vốn đối ứng: 987.450.000 đồng.

(có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Phòng Nông nghiệp và PTNT (đơn vị chủ quản dự án) có trách nhiệm hợp đồng với Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện (đơn vị chủ trì triển khai thực hiện dự án) để thực hiện dự án và báo cáo kết quả triển khai thực hiện về UBND huyện. Đơn vị chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện đúng nội dung, tiến độ của dự án đã được phê duyệt và chịu sự quản lý trực tiếp của đơn vị chủ quản.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế - Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện; Chủ tịch UBND xã Quảng Thái và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP+CVKT;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Duy Hải

PHỤ LỤC

Chi phí triển khai thực hiện Dự án “Liên kết sản xuất và chế biến, tiêu thụ mướp đắng, trà mướp đắng tại thôn Tây Hoàng, xã Quảng Thái”

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2019
của UBND huyện Quảng Điền)

Đvt: 1.000 đồng.

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		Mức hỗ trợ từ nguồn vốn nông thôn mới
						NTM	Tổ hợp tác liên kết	
I	CÔNG CHUYỂN GIAO, ĐÀO TẠO VÀ TẬP HUẤN				15.100	15.100		
1	Hỗ trợ học viên	người	100	100	10.000	10.000		100%
2	Tài liệu	bộ	100	15	1.500	1.500		100%
3	Hội trường	ngày	2	300	600	600		100%
4	Nước uống	người	100	20	2.000	2.000		100%
5	Phụ cấp giảng viên	ngày	2	500	1.000	1.000		100%
II	NGUYÊN VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG				588.200	200.750	387.450	
1	Chi phí sản xuất				564.000	176.550	387.450	
1.1	Giống	ha	15	3.000	45.000	29.250	15.750	65%
1.2	Vật tư, phân bón				489.000	132.300	356.700	
-	Phân chuồng	kg	300.000	0,5	150.000		150.000	0%
-	Phân NPK 16:16:8	kg	9.000	11	99.000	69.300	29.700	70%
-	Phân lân vi sinh	kg	9.000	5	45.000	31.500	13.500	70%

-	Vôi	kg	7.500	2	15.000	10.500	4.500	70%
-	Thuốc BVTV	ha	15	2.000	30.000	21.000	9.000	70%
-	Giàn	ha	15	10.000	150.000		150.000	0%
1.3	Hỗ trợ làm vườn sản xuất mẫu				30.000	15.000	15.000	
-	Tre (500 cây x 20,000 đ)	ha	0,5	20.000	10.000	5.000	5.000	50%
-	Gác, lưới (5,000 m x 4,000 đ)	ha	0,5	40.000	20.000	10.000	10.000	50%
2	Tăng cường chuỗi giá trị sản phẩm trà ướp đấng				24.200	24,200		
2.1	Hỗ trợ bao bọc quả	bao	11.200	1	11.200	11.200		100%
2.2	Thiết kế bao bì	mẫu	1 đến 2		1.000	1.000		100%
2.3	Hỗ trợ bao bì đựng sản phẩm, nhãn mác	kg	80	150	12.000	12.000		100%
III	CÔNG LAO ĐỘNG				604.000	4.000	600.000	
1	Kỹ sư chỉ đạo kỹ thuật	tháng	8	500	4.000	4.000		100%
2	Công lao động người sản xuất	ha	15	40.000	600.000		600.000	0%
IV	CHI KHÁC				30.150	30.150		
1	Quản lý cơ sở				6.000	6.000		100%
2	Chi phí đánh giá, thẩm định dự án				7.900	7.900		
2.1	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ				1.650	1.650		
-	Chủ tịch Hội đồng	người	1	300	300	300		100%
-	Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng	người	6	150	900	900		100%

-	Thư ký hành chính	người	1	150	150	150		100%
-	Đại biểu được mời tham dự	người	2	150	300	300		100%
2.2	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ				1.350	1.350		
-	Tổ trưởng tổ thẩm định	người	1	150	150	150		100%
-	Thành viên tổ thẩm định	người	7	150	1.050	1.050		100%
-	Thư ký hành chính	người	1	150	150	150		100%
3	Chi họp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu, tổng kết dự án				4.900	4.900		
3.1	Chi Hội đồng nghiệm thu				1.350	1.350		
-	Chủ tịch hội đồng	người	1	300	300	300		100%
-	Phó chủ tịch hội đồng, thành viên Hội đồng	người	6	150	900	900		100%
-	Thư ký hành chính	người	1	150	150	150		100%
3.2	Hỗ trợ đại biểu tham dự	người	22	100	2.200	2.200		100%
3.3	Nước uống	người	30	20	600	600		100%
3.4	Tài liệu	bộ	30	15	450	450		100%
3.5	Hội trường	ngày	1	300	300	300		100%
4	Chi khác				13.750	13.750		
4.1	Tờ rơi sản phẩm	tờ	2.000	3	6.000	6.000		100%
4.2	Hội nghị quảng bá sản phẩm				7.750	7.750		
-	Đại biểu tham dự	người	50	100	5.000	5.000		100%
-	Nước uống	người	50	20	1.000	1.000		100%

-	Tài liệu	bộ	50	15	750	750		100%
-	Hội trường	ngày	1	500	500	500		100%
-	Báo cáo viên	người	1	500	500	500		100%
5	Xây dựng hồ sơ dự án				1.000	1.000		100%
6	Viết báo cáo tổng kết dự án				500	500		100%
7	Phụ cấp Chủ nhiệm dự án				1.000	1.000		100%
TỔNG CỘNG					1.237.450	250.000	987.450	